

Kim Động, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Số: 33/2025/QĐST-HNGĐ.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG – TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 33/2025/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi dưỡng con chung, giữa:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982. Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994. Quê quán: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi đăng ký HKTT: thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 22/9/2013. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng với mẹ (chị L).

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Đ: anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị L (là bố, mẹ đẻ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Anh N và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên, ngày 12/12/2012 là đúng. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, chị L về gia đình anh N sinh sống làm ăn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu, sau khi chị L sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị chênh lệch nhau về tuổi tác nên khi về chung sống đã không có tiếng nói chung nên xảy ra những bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không còn chia sẻ được với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên có những xung đột, tình cảm vợ chồng cũng từ đó lạnh nhạt, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc và gây áp lực cho nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng nên từ cuối năm 2014, anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng độc lập. Đến nay cả anh N và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nên anh chị đã thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/4/2025 giữa anh N, chị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần được công nhận là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: anh N, chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 22/9/2013. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng với chị L. Anh N và chị L thỏa thuận, giao cháu Đ cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh N tự nguyện cấp dưỡng cho chị L nuôi con, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu Đ thành niên. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Xét thấy, chị L đủ điều kiện nuôi con theo quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung và sự thỏa thuận của anh N, chị L, nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh N, chị L.

[3]. Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: anh N, chị L tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về lệ phí: anh N, chị L thỏa thuận, anh N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị L.

1.2. Về con chung: anh N, chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 22/9/2013. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng với chị L. Anh N và chị L thỏa thuận, giao cháu Đ cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh N tự nguyện cấp dưỡng cho chị L nuôi con, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu Đ thành niên. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.3. Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: anh N, chị L đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: anh N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001766 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Anh N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ (số 10/2012 ngày 12/12/2012)
- Sở tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh